

TÔN GIÁO VÀ DÂN TỘC

VỊ TRÍ CỦA LINH MỤC PHẠM BÁ TRỰC TRONG PHONG TRÀO CHỐNG PHÁP GIÀNH ĐỘC LẬP CỦA VIỆT NAM GIAI ĐOẠN 1945-1954

PHAN KHẮC TỪ^(*)

Trong bài tham luận này, chúng tôi sẽ không đề cập chi tiết về thanh thế và sự nghiệp tham gia kháng chiến chống Pháp giành độc lập của Linh mục Phạm Bá Trực, mà chỉ xin phát biểu một số suy nghĩ về ý nghĩa của hành động của Linh mục trong lịch sử Giáo hội Công giáo Việt Nam, giai đoạn 1945-1954

Niềm vui ngày Độc lập

Như chúng ta đều biết, Linh mục Phạm Bá Trực đã từng được đào tạo tại trường Truyền giáo ở Roma. Khi về nước, Linh mục được giao nhiệm vụ dạy triết học tại Đại chủng viện Kẻ Sở, từng là trụ sở của Giáo phận Tây Đàng Ngoài trước khi được chuyển về Hà Nội. Và Kẻ Sở, trong những ngày qua, đã được chọn làm nơi cử hành Lễ khai mạc Năm Thánh kỷ niệm 50 năm thành lập hàng giáo phẩm Việt Nam. Như vậy, Linh mục đã có mặt và hoạt động ngay tại một cái nôi của Giáo hội.

Ngoài ra, linh mục còn là chính xứ của giáo xứ Khoan Vỹ (Hà Nam). Linh mục cũng còn dịch một số sách đạo đức nước ngoài sang tiếng Việt để phục vụ bà con giáo dân người Việt như cuốn *Linh hồn của mọi công tác tông đồ* (L'âme de tout Apostolat). Như vậy, khi tham gia phong trào kháng chiến chống Pháp tái xâm lược Việt Nam 1945-1954, Linh mục Phạm Bá Trực là người đang tham gia tích cực trong sinh hoạt của Giáo hội Công giáo Việt Nam và của Giáo phận Tây Đàng Ngoài nói riêng.

Chúng ta cũng còn được biết là khi tham gia Quốc hội khóa I của một nước Việt Nam mới giành được độc lập, Linh mục Phạm Bá Trực đã xin phép bề trên được tham gia kháng chiến và cam kết, sau khi nước nhà được hoàn toàn độc lập, sẽ bỏ lại mọi chức tước để trở về làm bổn phận mục vụ như các linh mục khác. Giám mục Chaize - Thịnh đã chấp thuận thỉnh cầu của Linh mục. Trường hợp này khiến chúng ta nhớ lại một trường hợp khác xảy ra trước đó, cũng tại Giáo phận Tây Đàng Ngoài: trường hợp cụ Sáu Trần Lục. Tháng 4/1886, cụ Sáu Trần Lục, tác giả của quân thể kiến trúc nhà thờ Phát Diệm nổi tiếng, “linh mục nhỏ bé của Phát Diệm tới Kẻ Sở, mang theo một sắc chỉ vàng có triện lớn đỏ chói. Đó là văn bằng của khâm sai cho ba tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An, Hà Tĩnh”. Cụ Sáu tới Kẻ Sở gặp bề trên của mình là Giám mục Puginier - Phước để thỉnh ý Giám mục về việc triều đình giao cho Cụ sứ mạng Khâm sai. Đức Giám mục cho phép Cụ Sáu nhận sứ mạng mà nhà vua tin cậy giao cho, nhưng chỉ trong thời gian càng ngắn càng tốt. Sau 35 ngày, Cụ Sáu được khuyên nên từ chức và trở về Phát Diệm. Vị “Khâm sai đã vâng lời”⁽¹⁾.

*. Linh mục. Ủy ban Đoàn kết Công giáo Việt Nam.
1. Olichon, 98-99, trích theo Trương Bá Cần. *Lịch sử phát triển Công giáo ở Việt Nam*, Nxb. Tôn giáo, 2008, tập 2, tr. 560.

Trường hợp của Linh mục Phạm Bá Trục, hay của Cụ Sáu trước đó, dĩ nhiên là nằm trong những trường hợp đặc biệt và trong một giai đoạn lịch sử đặc biệt. Không phải mọi linh mục đều được kêu gọi để thực hiện những nhiệm vụ như hai linh mục được nói đến trên đây. Nhưng chúng ta có thể hiểu được rằng tính cách đặc biệt ở đây chỉ liên quan đến cách thức thể hiện một tinh thần, một sứ mạng, một ơn kêu gọi của Giáo hội là thể hiện lòng yêu thương của Thiên Chúa đối với con người, mọi con người. Và đây là bốn phận chung cho mọi người Công giáo, linh mục hay giáo dân, tu sĩ. Và lòng yêu thương ấy luôn bao gồm những hành động cụ thể, trong những hoàn cảnh cụ thể. Và đông đảo các thành phần của Giáo hội Công giáo tại Việt Nam đã hiểu ra rằng, trong hoàn cảnh cụ thể của năm 1945, nhiệm vụ cụ thể của người Công giáo là cùng với đồng bào của mình ra sức bảo vệ nền độc lập của Tổ quốc, vì độc lập là một trong những điều kiện tiên quyết để con người có thể phát triển một cách đầy đủ, theo đúng phẩm giá của con người và Thiên Chúa.

Thấy được giá trị to lớn của nền độc lập mà dân tộc trong đó có người Công giáo đeo đuổi, đổ xương máu để có được, các giám mục Lê Hữu Từ, Hồ Ngọc Cẩn đã nhận làm cố vấn cho Chính phủ. Nhiều nhân sĩ, trí thức Công giáo đã đảm nhiệm nhiều chức vụ cao cấp như các ông Nguyễn Mạnh Hà, Vũ Đình Tụng, Ngô Tử Hạ. Giám mục Hồ Ngọc Cẩn đã ủng hộ cả dây chuyền vàng cho chính phủ kháng chiến trong “Tuần lễ vàng”. Trước âm mưu của Thực dân Pháp làm le cướp đi nền độc lập non trẻ của dân tộc, Giám mục Nguyễn Bá Tòng đã thay mặt các giám mục người Việt gửi một điện văn cho Tòa Thánh và cho giới Công giáo thế giới đề nghị ủng hộ chính phủ mới của Việt Nam.

“Chúng tôi là bốn giám mục Việt Nam ở Bùi Chu, Vĩnh Long và Phát Diệm, hạ tuần tháng trước đây đã gửi một điện văn yêu cầu Đức Giáo hoàng, triều đình La

Mã, các Hồng y, Tổng giám mục, giám mục và hết giáo sĩ cùng giáo dân hoàn cầu, ủng hộ nền độc lập của Tổ quốc Việt Nam chúng tôi. Nay một lần nữa chúng tôi lên tiếng thiết tha kêu gọi lòng quảng đại của khắp Giáo hội đối với đất nước chúng tôi, một nước đã được Đức Giáo hoàng Truyền giáo (tức là Đức Giáo hoàng Piô XI) hồi phong cho giám mục Việt Nam tiên khởi năm 1933 đã tỏ mối hi vọng có ngày sẽ xứng đáng cái danh hiệu là “Con trưởng Giáo hội ở Cực Đông”. Nhất là chúng tôi hô hào hai cường quốc Anh, Mỹ xin can thiệp một cách hiệu quả để chúng tôi khỏi lâm vào nạn binh đao ghê sợ, giữa lúc cả hoàn cầu đã được hưởng thái bình bấy lâu như mong đợi,... Phải, chính lúc này, ở nước Việt Nam chúng tôi đang diễn ra một cuộc xung đột đáng lo ngại. Lòng ái quốc anh dũng và không lay chuyển của người Việt Nam đang xô họ ra chốn sa trường, xông pha đạn lửa. Chỉ vì muốn giữ vững nền độc lập, chỉ vì muốn bành vạc công lí và tự do mà một số lớn con dân đang bị giết hại, những con dân mà nước Việt Nam rất cần để kiến thiết và mưu lấy hạnh phúc cho mình...”⁽²⁾.

Quả thực, qua các giám mục của mình, người Công giáo Việt Nam đã bày tỏ với thế giới Công giáo và thế giới nói chung là người Công giáo Việt Nam gắn bó và tha thiết với nền độc lập của dân tộc, cũng là mục tiêu, lí tưởng của tuyệt đại đa số người Việt Nam lúc bấy giờ. Là người Việt Nam, người Công giáo cũng đã phải chịu chung số phận của tuyệt đại đa số người Việt Nam dưới sự thống trị của ngoại bang, của chủ nghĩa thực dân, do đó, cũng như bao người Việt Nam khác, cùng khao khát độc lập, tự do và xem đó như một giá trị cần phải bảo vệ. Người Công giáo Việt Nam đã mong mỏi sống niềm tin tôn giáo của mình trong hòa

2. Trích theo: Nguyễn Đình Đầu. *Ở buổi đầu, tất cả Công giáo đều ủng hộ chế độ Việt Nam Dân chủ Cộng hòa*, trong *Báo Công giáo và Dân tộc*, tuần lễ từ 14/10 đến 20/10/2005.

binh, trong một đất nước mà mọi con người đều được yêu thương và tôn trọng.

Những thử thách mới

Nhưng niềm vui của ngày lễ Độc lập đã không kéo dài được lâu. Cuộc chiến tranh tái xâm lược Việt Nam của Pháp và cuộc kháng chiến để bảo vệ nền độc lập của nhân dân Việt Nam đã sớm bị tô đậm màu sắc ý thức hệ: hữu thần và vô thần. Và hậu quả là không ít người Công giáo, từng hổ hởi trước viễn tượng của một nước Việt Nam độc lập, giờ đây đã bắt đầu lo âu cho niềm tin tôn giáo của mình. Người Công giáo Việt Nam lúc này đã bị đặt trước một sự lựa chọn bi đát: Hoặc tiếp tục tham gia kháng chiến trong phong trào Việt Minh “cộng sản vô thần” và như vậy là từ bỏ niềm tin tôn giáo họ đã nhận được từ cha ông như một con đường đem lại cho họ sự giải thoát, sự cứu độ, nên tảng của hạnh phúc trường tồn. Hoặc duy trì và bảo vệ niềm tin tôn giáo của mình, nhưng như thế, và trong hoàn cảnh cụ thể khi ấy, phải từ bỏ cuộc đấu tranh bảo vệ nền độc lập trong phong trào kháng chiến do những người “cộng sản vô thần” lãnh đạo. Sự đối nghịch khi ấy chẳng những đã không có được một giải pháp “hóa giải” mà trái lại, đã được đẩy tới đỉnh điểm, về phía Giáo hội Công giáo, với Thư chung của các giám mục Đông Dương 1951 đe dọa loại trừ khỏi Giáo hội những người Công giáo gia nhập hay ủng hộ Việt Minh nắm chính quyền.

Sự lựa chọn trở nên dứt khoát. De Lattre de Tassigny, Cao ủy Pháp, người Công giáo, vốn xem cuộc chiến tranh tái xâm lược Việt Nam như một cuộc “Thập tự chinh” và những người lính Pháp là những chiến sĩ chiến đấu để bảo vệ nền văn minh Kitô giáo⁽³⁾, được xem là người đã có một vai trò quan trọng trong việc đẩy sự đối nghịch này tới đỉnh điểm của nó.

Nhưng lịch sử của dân tộc Việt Nam đã không dừng lại ở đó. Và sau đổ vỡ cả về mặt vật chất lẫn tinh thần, lí tưởng cả dân tộc theo đuổi đã từng bước được thể hiện: chiến tranh đã hoàn toàn chấm dứt

trên đất nước thân yêu của chúng ta, sự thống nhất đã được tái lập, nền độc lập cũng đã trở lại với dân tộc. Chúng ta không ngây ngô đến nỗi không thấy được những khó khăn, thậm chí những mâu thuẫn, cũ và mới đang đòi phải được giải quyết. Nhưng chúng tôi lại cũng xác tín rằng, việc giải quyết những khó khăn và mâu thuẫn này hoàn toàn có thể được tiến hành không phải bằng đấu tranh để loại trừ mà bằng đối thoại để đạt được sự đồng thuận cần thiết cho việc xây dựng một xã hội mỗi ngày mỗi mang tính nhân văn hơn, trong sự tôn trọng những khác biệt tạo nên sự phong phú của kho tàng văn hóa của dân tộc.

Kết luận

Hôm nay, chúng ta tổ chức buổi tưởng niệm Linh mục Phạm Bá Trực với tư cách là một linh mục đã cố gắng thực thi bốn phận chung của mọi công dân yêu chuộng độc lập, tự do. Linh mục Phạm Bá Trực có thể được xem như một hình ảnh của một quan hệ hài hòa giữa đạo và đời. Linh mục đã chọn đi theo kháng chiến chống Pháp tái xâm lược để bảo vệ độc lập của Tổ quốc với tư cách Linh mục và hẳn là Linh mục đã có thể trở về tiếp tục làm công tác mục vụ tại một giáo xứ nào đó theo ước nguyện đã bày tỏ với bề trên của Linh mục, khi đất nước thanh bình,... Nhưng Linh mục đã qua đời trước khi được toại nguyện (5/10/1954), chỉ 5 ngày trước khi quân kháng chiến tiến vào Thủ đô Hà Nội.

Ý nguyện của Linh mục hẳn sẽ được tiếp tục thể hiện trong hành động của chúng ta trong giai đoạn lịch sử hiện nay của dân tộc. Chúng ta sẽ tìm cách thể hiện trách nhiệm của người Công giáo giữa dân tộc và cùng với dân tộc, với mọi người Việt Nam, qua con đường đối thoại, theo chúng tôi, là con đường cụ thể thích hợp với hiện tại, trong hoàn cảnh cụ thể của đất nước hiện nay./.

3. Xin xem: Trần Thị Liên. *De Lattre au Vietnam, 1951 L'année de la Croisade*, luận văn Cao học Sử học tại Viện Nghiên cứu Chính trị Paris, 1987-1988, tr. 143.